

DỰ BÁO XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 27/5/2024		●	
Tuần 20/5-24/5/2024		●	
Tháng 05/2024		●	

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Thị trường tiến lên ngưỡng 1,285 trong đầu phiên sáng, tuy nhiên áp lực bán tại đây đã đẩy chỉ số xuống ngưỡng 1,250 trước khi chỉ số đi lên đóng cửa tại mốc 1,261.93 điểm, giảm hơn 19 điểm so với phiên hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 16/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Công nghệ thông tin dẫn đầu đà giảm, theo sau là ngành Dịch vụ tài chính. Ở chiều ngược lại, hai ngành giữ được sắc xanh trong hôm nay là Hóa chất và Dầu khí. Lực bắt đáy đã xuất hiện tại ngưỡng 1,250, tuy nhiên cũng không thể loại bỏ trường hợp thị trường tiếp tục quán tính giảm trở lại ngưỡng này trong ngắn hạn. Phiên giảm điểm hôm nay có thanh khoản lớn đột biến so với các phiên trước, nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 24/05/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-19.10** điểm, đóng cửa tại **1261.93** điểm. HNX-Index **-5.19** điểm, đóng cửa tại **241.72** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GVR (+0.87)**, **ACB (+0.80)**, **HVN (+0.28)**, **PLX (+0.23)**, **LPB (+0.13)**.
- Kéo chỉ số giảm: **FPT (-1.70)**, **VCB (-1.11)**, **CTG (-0.98)**, **VPB (-0.96)**, **HPG (-0.85)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **32,350** tỷ đồng, tăng **55.22%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 35,468 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 34.79 điểm. Thị trường có **9** mã tăng, 43 mã tham chiếu, **364** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1531.80** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-355.37 tỷ)**, **MWG (-131.92 tỷ)**, **MBB (-113.01 tỷ)**, **VHM (-101.79 tỷ)**, **SSI (-99.27 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **24.65** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-2.18%**. Các mã diễn biến tích cực: **ACB (+2.81%)**, **STB (+0.53%)**.
- BSC50 **-2.16%**. Các mã diễn biến tích cực: **CSV (+5.15%)**, **GVR (+2.54%)**, **PLX (+1.74%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-2.18%	-2.16%	-1.49%	-1.63%
1 tuần	1.04%	2.27%	0.62%	-0.41%
1 tháng	2.72%	3.25%	2.28%	2.56%
3 tháng	1.80%	-1.47%	-1.08%	0.82%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,261.93	241.72	94.40
% 1D	-1.49%	-2.10%	-0.81%
GTGD (tỷ VND)	32,350	3,052	1,974
%1D	55.22%	43.36%	14.80%
GDNN (tỷ VND)	-1531.80	24.65	-34.22

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUEVFNVD	92.31	FPT	-355.37
DBC	32.93	MWG	-131.92
TCB	32.93	MBB	-113.01
CSV	26.82	VHM	-101.79
PC1	19.45	SSI	-99.27

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	5,268	-0.74%	-0.55%
FTSE100	8,303	-0.44%	-1.40%
Eurostoxx	5,018	-0.16%	-0.91%
Shanghai	3,089	-0.88%	-2.07%
Nikkei	38,615	-1.27%	-0.39%

Nguồn: Bloomberg

Hàng hóa

	Giá trị	%
Giá dầu Brent	81.41	-0.15%
Giá vàng	2,338	0.13%

Tỷ giá

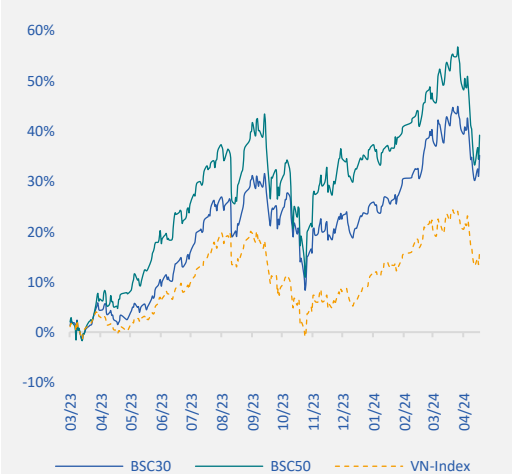
USD/VND	25,477	0.03%
EUR/VND	28,279	-0.30%
JPY/VND	166	0.00%

Lãi suất

LS TPCP 10Y	3.0%	0.01%
LS LNH 1M	4.9%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



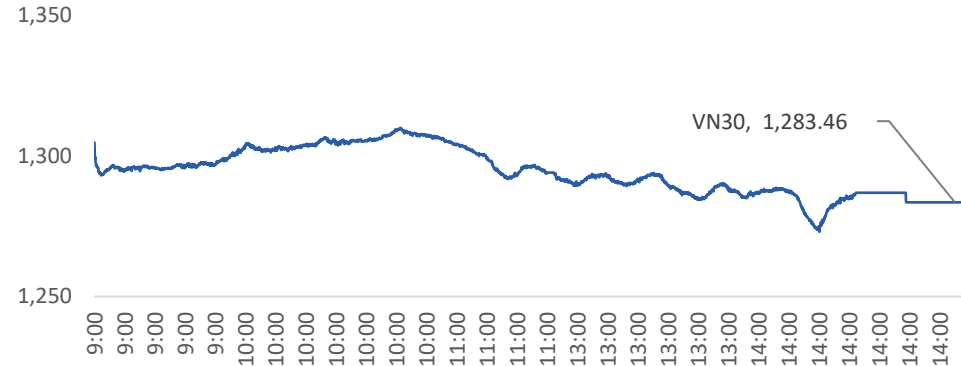
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1281.9	-1.39%	136	172.00%	9/19/2024	118
VN30F2412	1278.2	-1.75%	43	126.3%	12/19/2024	209
VN30F2407	1282.1	-0.47%	1205	167.18%	7/18/2024	55
VN30F2406	1277.7	-1.72%	332204	37.93%	6/20/2024	27

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +13.30 điểm, đóng cửa tại 1304.76 điểm. Biên độ dao động 21.50 điểm. Các cổ phiếu như HPG, ACB, MSN, MWG, STB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- Bật tăng cuối phiên. Thanh khoản thị trường nằm trên đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2407, Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2409, VN30F2412, Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2409, VN30F2412,

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVNM2310	8/9/2024	77	412,200	21.61%	78.40	190	5.6%	0.02	80.26	66.00	66.00
CPOW2306	6/26/2024	33	851,900	42.19%	16.00	70	40.0%	0.00	16.14	11.35	11.35
CNVL2305	6/26/2024	33	216,800	23.18%	17.00	200	-4.8%	0.01	17.80	14.45	14.45
CVIC2312	7/5/2024	42	86,900	21.12%	52.35	210	0.0%	0.02	54.45	44.95	44.95
CVNM2314	10/7/2024	136	70,900	32.69%	85.15	310	-8.8%	0.03	87.58	66.00	66.00
CVNM2315	1/6/2025	227	144,800	39.47%	87.11	1,260	-5.3%	0.15	92.05	66.00	66.00
CVRE2323	6/14/2024	21	274,800	13.50%	24.80	170	-5.6%	0.04	25.31	22.30	22.30
CVRE2319	10/7/2024	136	34,200	46.09%	31.78	200	0.0%	0.04	32.58	22.30	22.30
CVHM2318	1/6/2025	227	4,900	45.12%	53.46	860	-12.2%	0.17	57.76	39.80	39.80
CVPB2317	7/5/2024	42	313,900	22.48%	21.72	90	-18.2%	0.02	22.05	18.00	18.00
CVRE2313	8/5/2024	73	13,900	35.52%	29.50	180	-10.0%	0.02	30.22	22.30	22.30
CVRE2315	10/9/2024	138	752,800	41.35%	30.00	190	-9.5%	0.04	31.52	22.30	22.30
CSTB2316	6/26/2024	33	437,000	27.12%	36.33	30	50.0%	0.01	36.48	28.70	28.70
CVHM2317	10/7/2024	136	411,500	36.34%	52.35	240	-11.1%	0.05	54.27	39.80	39.80
CVRE2318	7/5/2024	42	81,800	40.26%	31.00	70	0.0%	0.00	31.28	22.30	22.30
CVHM2313	10/9/2024	138	98,200	33.42%	50.00	310	-8.8%	0.06	53.10	39.80	39.80
CVHM2311	8/5/2024	73	146,800	53.27%	60.50	100	-16.7%	0.00	61.00	39.80	39.80
CVHM2316	7/5/2024	42	78,300	30.54%	51.23	90	-30.8%	0.00	51.95	39.80	39.80
CVIC2306	6/26/2024	33	1,300	41.09%	62.22	150	0.0%	0.00	63.42	44.95	44.95
CVHM2307	6/26/2024	33	93,500	58.26%	62.67	40	33.3%	0.00	62.99	39.80	39.80

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 24/05/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
 - CSTB2316 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 50.00%. CHPG2329 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.68%.
 - CVHM2307, CVHM2311, CVRE2320, CVRE2308, và CVRE2319 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.
- CTCB2401, CFPT2310, CTCB2312, CFPT2316, và CTCB2309 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
ACB	29.25	2.81%	2.85
STB	28.70	0.53%	0.28
GVR	34.25	2.54%	0.14
PLX	41.00	1.74%	0.09
BVH	44.60	0.00%	0.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	131.90	-4.07%	-5.76
VPB	18.00	-2.70%	-2.30
HPG	28.90	-2.03%	-1.86
MWG	60.50	-2.42%	-1.70
MSN	73.50	-3.03%	-1.58

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GVR	34.25	2.54%	0.87	4.00
ACB	29.25	2.81%	0.80	3.88
HVN	24.20	2.11%	0.28	2.21
PLX	41.00	1.74%	0.23	1.27
LPB	23.50	0.86%	0.13	2.56

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NTP	62.60	5.74%	0.35	0.13
TVC	10.20	6.25%	0.06	0.12
API	9.40	9.30%	0.05	0.08
TKU	16.00	9.59%	0.05	0.05
PTI	32.50	2.20%	0.04	0.08

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GTA	11.50	6.96%	0.00	0.02
PLP	4.92	6.91%	0.01	0.92
PET	26.05	6.91%	0.05	4.39
TNC	52.10	6.91%	0.02	0.00
ITA	5.23	6.88%	0.09	12.77

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GLT	20.00	10.00%	0.08	0.01
VE3	9.00	10.00%	0.01	0.00
NHC	29.70	9.76%	0.04	0.00
TKU	14.60	9.59%	0.28	0.00
TXM	5.30	9.43%	0.01	0.46

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	131.90	-4.07%	-1.70	1.27
VCB	90.20	-0.88%	-1.11	5.59
CTG	32.50	-2.26%	-0.98	5.37
VPB	18.00	-2.70%	-0.96	7.93
HPG	28.90	-2.03%	-0.85	5.81

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	43.90	-4.15%	-0.65	0.48
SHS	18.60	-4.12%	-0.46	0.81
HUT	18.00	-3.23%	-0.39	0.89
MBS	32.00	-3.61%	-0.38	0.44
VCS	69.30	-3.75%	-0.31	0.16

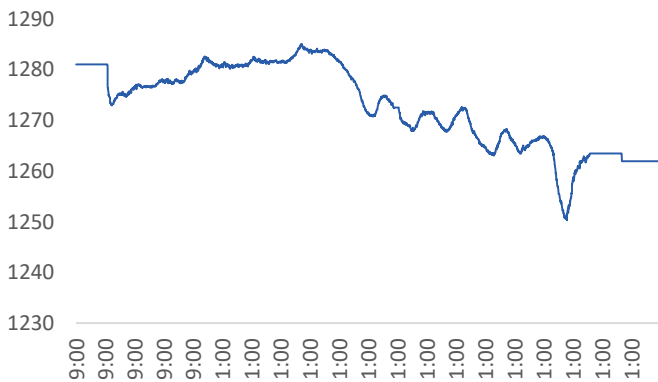
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FCN	15.80	-6.96%	-0.04	2.47
FIR	7.90	-6.96%	-0.01	1.29
DPG	59.00	-6.95%	-0.06	2.02
CIG	5.34	-6.93%	0.00	0.15
CSM	17.60	-6.82%	-0.03	0.12

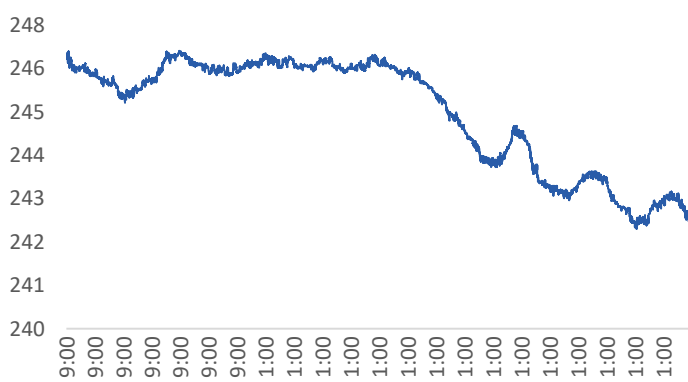
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BXH	24.00	-10.00%	-0.03	0.05
DC2	9.00	-10.00%	-0.02	0.00
HMR	29.00	-10.00%	-0.06	0.13
HTP	13.30	-9.77%	-0.42	0.12
ATS	12.40	-9.68%	-0.01	0.00

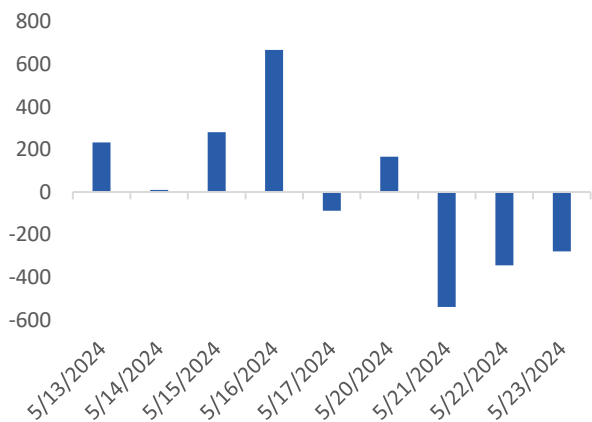
Hình 1
HSX-Index Intraday



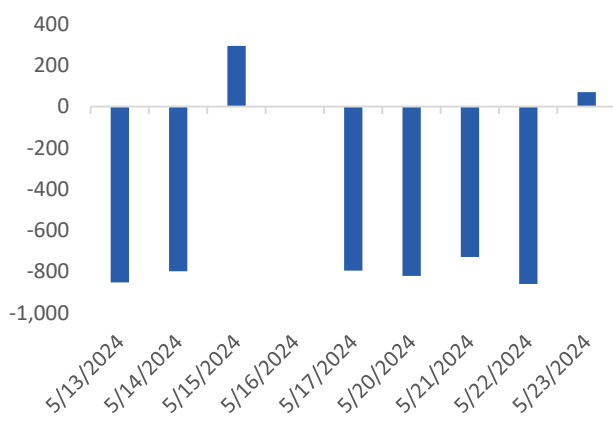
Hình 2
HNX-Index Intraday



Hình 3
Giao dịch tự doanh



Hình 4
Giao dịch khối ngoại



DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	90.2	-0.90%	0.6	19,798	7.9	5,838	15.5	-	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	49.2	-0.60%	1.0	11,014	4.2	3,841	12.8	-	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	18.0	-2.70%	1.0	5,608	13.8	1,397	12.9	-	27.4%	Link
TCB	Ngân hàng	46.4	-0.20%	1.1	6,419	26.6	5,600	8.3	-	22.3%	Link
MBB	Ngân hàng	22.4	-1.50%	1.0	4,661	32.1	3,818	5.9	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	28.7	0.50%	1.0	2,125	31.9	4,206	6.8	-	23.4%	Link
CTG	Ngân hàng	32.5	-2.30%	1.2	6,854	17.8	3,751	8.7	-	296.9%	Link
ACB	Ngân hàng	29.2	2.80%	0.8	4,462	38.9	4,072	7.2	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	35.2	-4.00%	1.3	2,089	39.2	1,704	20.7		43.8%	Link
IDC	Xây dựng	63.5	-0.80%	1.2	823	10.3	5,880	10.8	65,700	23.0%	Link
HPG	VLXD	28.9	-2.00%	1.2	7,259	34.2	1,601	18.1	41,500	23.1%	Link
HSG	VLXD	21.6	-3.60%	1.6	521	12.2	1,423	15.1	-	19.9%	Link
VHM	BĐS	39.8	-1.80%	1.1	6,806	20.2	5,074	7.8	108,300	17.7%	Link
KDH	BĐS	35.6	-3.70%	1.4	1,118	8.4	726	49.1	44,500	39.9%	Link
NLG	BĐS	43.9	-4.40%	1.5	663	8.0	1,040	42.2	-	49.6%	Link
DGC	Hóa chất	127.0	-0.50%	1.5	1,894	36.1	7,845	16.2	115,000	19.2%	Link
DCM	Phân bón	37.8	-3.30%	1.3	786	13.5	2,313	16.3	46,100	9.2%	Link
GAS	Dầu khí	79.0	-1.10%	0.6	7,125	8.0	4,688	16.9	-	2.2%	Link
PVS	Dầu khí	43.9	-4.10%	0.9	824	19.1	1,992	22.0	-	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	31.7	-3.90%	1.2	692	14.0	1,200	26.4	38,400	17.5%	Link
POW	Dầu khí	11.4	-1.70%	0.7	1,044	6.0	350	32.5	17,100	3.7%	Link
VHC	Thủy sản	73.2	-4.60%	1.2	645	6.3	3,774	19.4	108,500	30.9%	Link
GMD	Logistics	83.5	-2.30%	0.9	1,018	7.2	8,430	9.9	90,400	47.9%	Link
VNM	Bán lẻ	66.0	-1.50%	0.6	5,417	10.6	4,408	15.0	93,100	51.0%	Link
MSN	Bán lẻ	73.5	-3.00%	1.3	4,345	22.1	215	341.3	-	26.2%	Link
MWG	Bán lẻ	60.5	-2.40%	1.5	3,474	32.4	717	84.4	-	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	94.9	-3.30%	1.0	1,247	10.6	5,860	16.2	112,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	63.0	-1.40%	1.9	413	9.9	2,200	28.6	66,600	23.8%	Link
FPT	Bán lẻ	131.9	-4.10%	0.9	6,578	69.3	5,335	24.7	107,900	49.0%	Link
CTR	Hạ tầng	126.5	-3.90%	1.1	568	2.1	4,582	27.6	-	9.8%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	24.2	-2.00%	0.9	2,768	6.9	3,809	6.4	1.5	18.4%	25.4%
VIB	Ngân hàng	22.0	-1.10%	1.2	2,192	12.9	3,315	6.6	1.5	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	17.8	-3.00%	1.3	1,535	10.9	2,050	8.7	1.1	28.7%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.2	-0.30%	1.2	1,119	4.3	2,310	6.2	0.9	29.6%	16.0%
EIB	Ngân hàng	17.9	-3.20%	1.1	1,224	7.8	1,147	15.6	1.4	3.6%	10.1%
HCM	Chứng khoán	29.1	-5.10%	1.6	804	18.7	1,175	24.8	2.4	32.4%	8.3%
VCI	Chứng khoán	48.0	-4.10%	1.7	824	18.6	1,409	34.0	2.6	19.9%	7.1%
VND	Chứng khoán	20.0	-2.70%	1.6	959	23.6	2,057	9.7	1.4	19.5%	13.1%
BSI	Chứng khoán	57.1	-4.70%	1.8	455	3.8	2,208	25.9	2.4	39.9%	9.0%
SHS	Chứng khoán	18.6	-4.10%	1.7	594	22.3	1,076	17.3	1.4	9.6%	5.7%
CTD	Xây dựng	71.5	-2.10%	1.2	281	5.8	2,709	26.4	0.8	44.9%	2.3%
HHV	Xây dựng	13.0	-2.60%	1.5	210	4.6	833	15.6	0.5	8.4%	4.2%
LCG	Xây dựng	11.8	-3.30%	1.5	89	2.4	655	17.9	0.9	2.4%	4.6%
SZC	Xây dựng	42.3	-1.40%	1.2	299	4.0	1,514	27.9	2.6	3.2%	13.4%
SIP	Xây dựng	89.2	-2.50%	1.3	637	1.5	5,701	15.6	3.8	1.2%	26.9%
PHR	BĐS KCN	60.2	0.20%	1.1	320	1.6	3,448	17.5	2.1	18.2%	18.3%
DIG	BĐS	27.8	-4.80%	1.8	666	34.4	(38)	-724.2	2.2	4.9%	2.1%
CEO	BĐS	18.5	-3.60%	1.3	374	7.0	312	59.3	1.5	5.0%	2.4%
KBC	BĐS KCN	30.8	-2.40%	1.6	930	13.3	1,262	24.4	1.2	21.8%	11.7%
VGC	BĐS KCN	54.2	-3.00%	1.3	954	1.3	2,746	19.7	2.5	5.3%	12.5%
GVR	BĐS KCN	34.2	2.50%	1.5	5,380	16.6	628	54.6	2.4	0.5%	6.2%
NKG	VLXD	24.8	-3.10%	1.6	256	11.8	1,222	20.3	1.2	15.0%	2.3%
BMP	Vật liệu	109.8	-2.00%	1.0	353	0.7	11,594	9.5	3.1	84.1%	39.1%
IJC	Hạ tầng	14.6	-2.70%	1.5	217	4.4	865	16.9	1.2	5.2%	10.3%
DXG	BĐS	16.7	-4.00%	1.9	473	9.7	420	39.8	0.8	20.0%	1.1%
VRE	Bất động sản	22.3	-3.00%	1.2	1,990	12.5	1,966	11.3	1.3	27.7%	12.4%
PDR	Bất động sản	26.0	-2.30%	1.8	890	15.2	964	26.9	2.0	6.5%	7.2%
DIG	Bất động sản	27.8	-4.80%	1.8	666	34.4	(38)	-724.2	2.2	4.9%	2.1%
HUT	Xây dựng	18.0	-3.20%	1.4	631	3.5	73	246.4	1.4	0.0%	0.7%
C4G	Xây dựng	10.4	-1.90%	1.4	-	0.5	433	24.0	1.0	0.0%	4.9%
CSV	Hóa chất	69.4	5.20%	1.6	120	8.9	4,370	15.9	2.1	3.7%	16.1%
DHC	Hóa chất	40.9	-2.60%	1.1	129	1.4	3,461	11.8	1.7	37.5%	17.2%
DRC	Cao su	33.4	-0.60%	0.7	156	3.7	2,286	14.6	2.1	12.8%	13.2%
PC1	Điện	28.4	-3.40%	1.3	347	8.3	651	43.6	1.2	8.0%	4.1%
HDG	BĐS	32.4	-4.10%	1.4	389	15.6	2,061	15.7	1.3	18.1%	12.9%
GEX	Điện	23.0	-3.00%	1.9	769	18.2	625	36.8	0.9	9.7%	4.1%
QTP	Điện	16.9	-1.20%	0.6	-	0.5	1,549	10.9	1.4	1.2%	10.8%
PLX	O&G	41.0	1.70%	1.0	2,046	8.6	2,570	16.0	1.7	17.6%	10.7%
BSR	O&G	22.6	0.40%	1.1	-	20.4	2,588	8.7	1.2	0.0%	15.6%
PLC	O&G	31.0	-1.90%	1.5	98	1.4	1,112	27.9	1.9	0.5%	8.4%
ANV	Thủy sản	31.5	-2.50%	1.4	165	2.5	(252)	-124.7	1.5	1.3%	1.5%
PTB	Gỗ	69.9	-2.00%	0.7	184	1.0	4,765	14.7	1.7	25.0%	10.6%
VSC	Logistics	21.3	-1.80%	1.4	223	6.4	532	40.0	1.7	2.9%	6.2%
HAH	Logistics	41.4	-3.00%	1.4	171	14.7	3,081	13.4	1.3	3.9%	12.1%
VTP	Logistics	78.0	-3.80%	1.3	373	6.6	2,980	26.2	5.8	7.1%	25.6%
DBC	Logistics	34.8	-2.40%	1.7	331	16.1	1,729	20.1	1.8	12.1%	0.5%
FRT	Bán lẻ	161.0	-0.80%	0.8	861	7.9	(2,548)	-63.2	10.7	35.6%	11.8%
QNS	Bán lẻ	50.0	-3.10%	0.7	-	4.2	6,737	7.4	2.0	15.4%	27.3%
TNG	Dệt may	25.3	-2.30%	1.2	113	7.1	1,981	12.8	1.5	20.7%	12.5%
PVT	O&G	29.3	0.30%	0.9	410	15.0	3,150	9.3	1.0	12.8%	14.3%
DPM	Phân bón	35.6	-3.90%	1.2	546	7.7	1,372	25.9	1.2	8.3%	4.2%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 04/2024_SBV chủ động thực hiện các biện pháp ổn định tỷ giá và lãi suất	x		Click
2	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
9	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
10	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
12	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639